

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA
CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN
THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ
CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----000-----



BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 và thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 11 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 49./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 9 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ : A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3844 6409

Fax : (028) 3848 8359

Website : www.vinafreight.com

Email :

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3726 2600 Fax: 024.3726 2601

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Lê Thị Ngọc Anh

Chức vụ : Kế toán trưởng

Điện thoại : (028) 3844 6409

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA-FREIGHT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 và thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 11 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--------------------------------|--------------------------------------|
| Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinafreight |
| Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Giá chào bán: | 20.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.792.250 cổ phiếu |
| Tổng giá trị chào bán: | 27.922.500.000 đồng (theo mệnh giá) |

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3726 2600 Fax: 024 3726 2601

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3 5472972 Fax: 028 3 5472970

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. Rủi ro về kinh tế..... | 5 |
| 2. Rủi ro về Pháp luật..... | 7 |
| 3. Rủi ro đặc thù của ngành | 7 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán | 8 |
| 5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu | 8 |
| 6. Rủi ro quản trị công ty | 9 |
| 7. Các rủi ro khác | 9 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 10 |
| 1. Tổ chức phát hành..... | 10 |
| 2. Tổ chức tư vấn | 10 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 10 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 12 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 12 |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty | 12 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty | 15 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước: số lượng và tỉ lệ nắm giữ).17 | |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành..... | 18 |
| 5.1. Danh sách công ty mẹ: | 18 |
| 5.2. Danh sách công ty con:..... | 18 |
| 5.3. Danh sách công ty liên kết:..... | 18 |
| 6. Quá trình tăng vốn điều lệ: | 19 |
| 7. Hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 19 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 21 |
| 9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 22 |
| 10. Chính sách đối với người lao động | 22 |

| | |
|---|-----------|
| 11. Chính sách cổ tức..... | 24 |
| 12. Các chỉ tiêu tài chính | 24 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng..... | 28 |
| 14. Tài sản..... | 45 |
| 15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2018 | 46 |
| 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 49 |
| 17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức..... | 49 |
| 18. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành..... | 49 |
| 19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành: | 49 |
| V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN..... | 50 |
| 1. Loại cổ phiếu | 50 |
| 2. Mệnh giá | 50 |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán | 50 |
| 4. Giá chào bán dự kiến | 50 |
| 5. Phương pháp tính giá | 50 |
| 6. Phương thức phân phối | 51 |
| 7. Thời gian phân phối cổ phiếu | 51 |
| 8. Đăng ký mua cổ phiếu | 51 |
| 9. Phương thức thực hiện quyền | 51 |
| 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài..... | 52 |
| 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng..... | 52 |
| 12. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán..... | 52 |
| 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu..... | 52 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 53 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 54 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC PHÁT HÀNH | 54 |
| 1. Tổ chức kiểm toán | 54 |
| 2. Tổ chức tư vấn | 54 |
| IX. PHỤ LỤC..... | 56 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty hoặc giá cả chứng khoán phát hành của công ty

1. Rủi ro về kinh tế

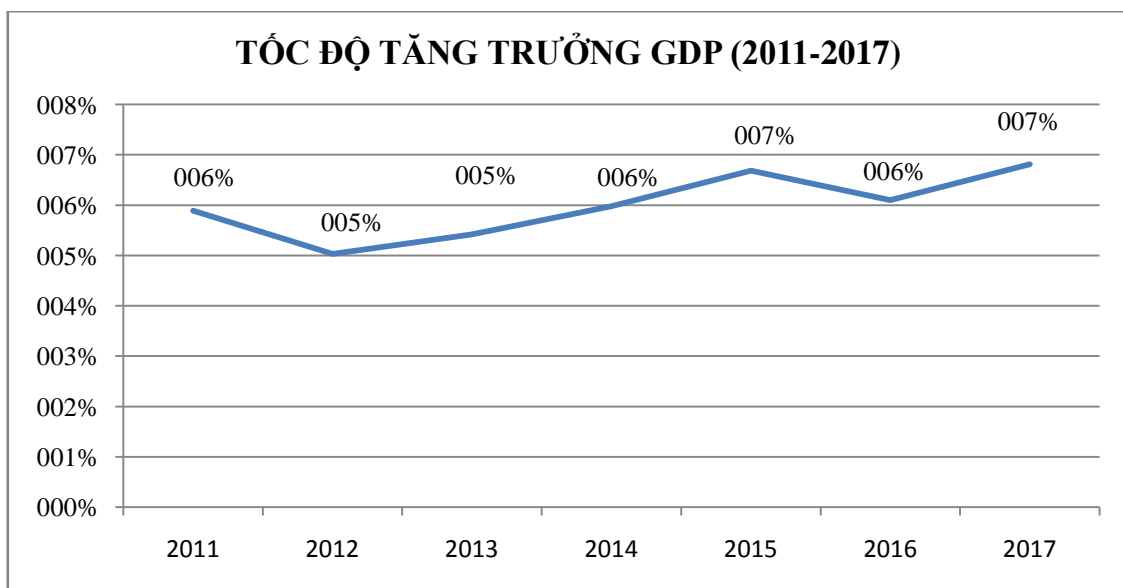
Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% (năm 2014), 6,68% (năm 2015) và 6,1% (năm 2016). GDP năm 2017 tăng 6,81% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ tính riêng Quý IV, GDP đã tăng kỷ lục 7,65%. Kinh tế cả nước tăng đột biến chủ yếu ở các khu vực sản xuất dịch vụ; nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; bán lẻ và du lịch. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP dự kiến đạt mức 6,3-6,5%/năm. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Dự kiến năm 2018, chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,7-6,8%. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp niêm yết.

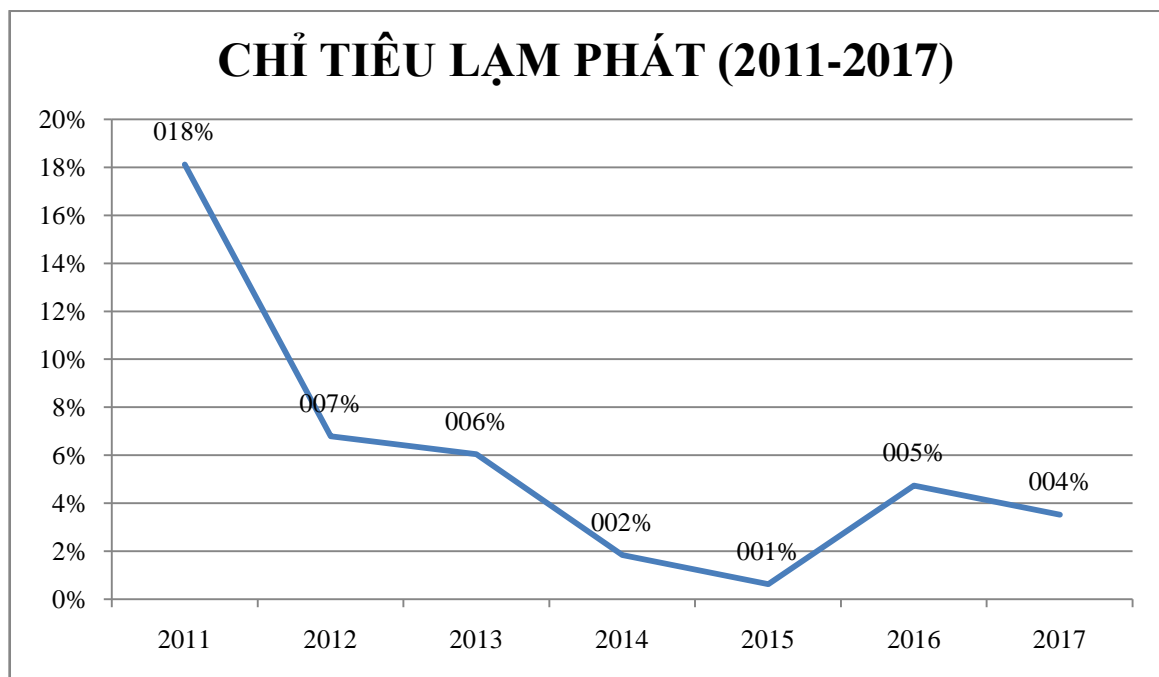


Lạm phát:

Chỉ tiêu lạm phát là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tuy nhiên trong các năm gần đây, lạm phát ở Việt Nam có xu hướng giảm dần và ổn định qua các năm: lạm phát năm 2016 là 4,74%, lạm phát năm 2017 là 3,53%. Trong năm 2017, Ngân hàng nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, ổn định tỷ giá và lãi suất. Ngoài ra, chỉ số một số nhóm hàng hóa giảm so với năm 2016 làm chỉ số lạm phát giảm: chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm 2017 giảm 2,6% so với năm 2016 làm CPI chung giảm khoảng 0,53%.



Theo dự báo của một số tổ chức tài chính, lạm phát năm 2018 ở mức 3-3,5%. Mặc dù vậy, rủi ro tiềm ẩn đối với chỉ số lạm phát chung có thể sẽ đến từ xu hướng tăng giá của các loại hàng hóa cơ bản trên thế giới, điển hình nhất là giá xăng dầu và các nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước.

Tỷ giá hối đoái:

Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 - 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện nay đã giảm mạnh xuống ở mức 6 - 9%/năm (ngắn hạn) và 9 - 11%/ năm (trung và dài hạn). Lãi suất các khoản vay quốc tế những năm qua luôn ở mức thấp. Bước sang năm 2018, một số ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất là tín hiệu đáng mừng; tuy nhiên, việc giảm lãi suất mới chỉ thực hiện ở các lĩnh vực ưu tiên của một số ngân hàng chứ không hẳn là dấu hiệu giảm mặt bằng lãi suất. Đầu năm 2018, một số ngân hàng điều chỉnh lãi suất 6%/năm đối với khoản vay ngắn hạn và 7,5%/năm nếu vay trung và dài hạn.

Hiện tại ngoài nguồn vốn tự có, Công ty còn thực hiện vay vốn ngân hàng. Do vậy sự biến động về lãi suất sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính của công ty trong hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về Pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán của Nhà nước. Là doanh nghiệp phát hành trên sàn giao dịch HOSE, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế như chính sách thuế quan, chính sách hạn ngạch. Trong hoạt động xuất khẩu, rủi ro pháp lý mà các doanh nghiệp khó lường trước được hay việc ban hành các văn bản cấm nhập hay cấm xuất một mặt hàng nào đó, nước này tẩy chay hàng hoá của nước kia. Hoặc doanh nghiệp đã gửi hàng đi và lập bộ chứng từ hợp lệ nhưng vẫn gặp rủi ro trong thanh toán khi chiến tranh hay xung đột xảy ra ở nước nhập khẩu. Hơn nữa, doanh nghiệp xuất khẩu có thể gặp rủi ro do phong tỏa, cấm vận hoặc trả đũa thương mại đối với mặt hàng của doanh nghiệp xuất khẩu.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

Rủi ro khoản phải thu của Khách hàng Công ty đối mặt với rủi ro khi đối tác tham gia thực hiện hợp đồng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Công ty. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu

hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra nhân viên kế toán công nợ của Công ty cũng thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các đơn vị có liên quan thu hồi khoản nợ. Mặt khác, các khoản phải thu của Công ty được phân tán, có liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro này có mức độ phân tán cao, rủi ro tương đối thấp

4. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành của đơn vị tư vấn nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp số cổ phần chào bán không hết (nếu có), HĐQT sẽ tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác theo mức giá phù hợp, bảo đảm lợi ích cho cổ đông và Công ty.

Nếu đợt chào bán không thành công như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để bù đắp vào nhu cầu vốn của dự án đang triển khai. Bên cạnh đó, Công ty sẽ điều chỉnh tiến độ, cũng như quy mô của các dự án một cách linh hoạt theo nguồn vốn thực tế huy động được để đảm bảo đạt hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Trong trường hợp này, mục tiêu huy động vốn của Công ty sẽ gặp khó khăn và do đó sẽ phần nào tác động đến kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Rủi ro pha loãng EPS

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng lên 50% so với hiện tại. Điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ giảm sút. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty chưa thể tăng tương ứng. Tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phiếu nhiều khả năng sụt giảm so với trước khi phát hành.

Giả sử trong quý 3/2018 đợt chào bán sẽ kết thúc, Công ty thu được toàn bộ số tiền từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

| STT | Nội dung | Năm 2017 | Ước năm 2018 |
|-----|---|----------------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) (đồng) | 35.011.485.033 | 35.207.549.350 |
| 2 | Số lượng cổ phiếu lưu hành trước thời điểm phát hành (cổ phiếu) | 5.584.500 | 5.584.500 |
| 3 | Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu (cổ phiếu) | 2.792.250 | 2.792.250 |
| 4 | Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành (4)=(2) + (3) (cổ phiếu) | 8.376.750 | 8.376.750 |
| 5 | Thu nhập/cổ phiếu trước khi phát hành (5) = (1)/(2) (đồng/cổ phiếu) | 6.269 | 6.304 |
| 6 | Thu nhập/cổ phiếu điều chỉnh (6) = (1)/(4) (đồng/cổ phiếu) | 4.180 | 4.203 |

Trong thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Rủi ro pha loãng này sẽ

được giảm đi khi Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để đầu tư và triển khai dự án một cách hiệu quả nhất.

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Công ty thực hiện phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua tổng số lượng 5.584.500 cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ 50% vốn điều lệ trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Cụ thể, giả định giá tham chiếu của cổ phiếu VNF vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 50.900 VNĐ/cổ phiếu. Giá điều chỉnh kỹ thuật vào ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$PTC = \frac{50.900 + (50\% \times 20.000)}{1 + 50\%} = 40.600$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành được điều chỉnh và làm tròn là 40.600 đồng/cổ phiếu, giảm 10.300 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu trước ngày phát hành.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Nếu HĐQT Công ty làm việc không hiệu quả, không minh bạch, thiếu cơ chế phản biện sẽ không kịp thời phát hiện được rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành. Ngoài ra, thông tin liên quan đến quản trị công ty như: cơ cấu cổ đông và mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, các yếu tố môi trường, xã hội... ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng có thể ảnh hưởng tới các cổ đông và nhà đầu tư khác.

Để khắc phục rủi ro quản trị công ty, Công ty Cổ phần Vinafreight đã xây dựng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Giám đốc có năng lực điều hành, giám sát tốt, được Đại hội Đồng cổ đông thông qua tại đại hội cổ đông thường niên. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng và hoàn thiện website, công bố, cập nhật thông tin thường xuyên hơn cho cổ đông, thành lập Ban quan hệ cổ đông (IR) để thực hiện nhiệm vụ làm cầu nối giữa cổ đông và doanh nghiệp.

7. Các rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

| | |
|---------------------|---|
| Ông Nguyễn Bích Lâm | Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Ngọc Anh | Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

| | |
|------------------|-------------------|
| Ông Lê Thành Nam | Phó Tổng Giám đốc |
|------------------|-------------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vinafreight. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vinafreight cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1/ “**Công ty**”: Công ty Cổ phần Vinafreight.

2/ “**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafreight.

8/ “**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vinafreight.

9/ “**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vinafreight.

10/ “**Ban Tổng Giám đốc**”: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Vinafreight.

11/ “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/“Tổ chức phát hành”: Công ty Cổ phần Vinafreight.

13/“Tổ chức tư vấn”: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

14/“Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

| | |
|-------------|--|
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinafreight. |
| HĐQT | Hội đồng quản Công ty Cổ phần Vinafreight. |
| BKS | Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafreight. |
| TGD | Tổng giám đốc. |
| BTGD | Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight. |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Vinafreight. |
| TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| TSLĐ | Tài sản lưu động |
| VSCH | Vốn chủ sở hữu |
| NPL | Nguyên phụ liệu |
| Giấy CNĐKDN | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| Số CMND | Số chứng minh nhân dân |
| UBCKNN | Ủy ban chứng khoán Nhà nước |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| CTCP | Công ty cổ phần |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT**
- Tên giao dịch quốc tế : **VINA FREIGHT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VINA FREIGHT**
- Địa chỉ : **A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Điện thoại : **(028) 38446409**
- Fax : **(028) 38488359**



- Logo :
- Website : **www.vinafreight.com**
- Email :
- Vốn điều lệ đăng ký : **56.000.000.000 VNĐ (năm mươi sáu tỷ đồng).**
- Vốn điều lệ thực góp : **56.000.000.000 VNĐ (năm mươi sáu tỷ đồng).**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 và thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 11 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - ❖ Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
 - ❖ Đại lí tàu biển, đại lí lưu cước, đại lý quản lí vỏ container cho các hãng tàu
 - ❖ Đại lí giao nhận cho các hãng giao nhận nước ngoài
 - ❖ Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất khẩu
 - ❖ Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu
 - ❖ Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng
 - ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
 - ❖ Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi.
 - ❖ Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng xuất nhập khẩu
 - ❖ Các dịch vụ thương mại

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Năm 2001, Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển xí nghiệp dịch vụ kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, tên giao dịch là Vinafreight.

Năm 2002, Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14/01/2002 và chính thức trở thành thành viên của VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết.

Năm 2003, Thành lập văn phòng Công ty tại khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, khu chế xuất Tân Thuận Thành và khu chế xuất Amata. Góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt – Nhật. Thành lập chi nhánh công ty tại TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng đồng thời mở Phòng đại lý hãng tàu tại Quận 1 sau chuyển về Quận 4.

Năm 2004, Góp vốn thành lập công ty TNHH DVHK Vector Quốc tế (tỷ lệ góp vốn 90%); góp vốn thành lập Công ty TNHH, Vận tải ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập vào công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn: 40%).

Năm 2005-2006, Tăng vốn góp vào Công ty TNHH DVHK Vector Quốc Tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng.

Năm 2007, Chính thức đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng. Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 1 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

Năm 2008, Công ty thực hiện trọn gói việc vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất cho 1 số khách hàng lớn từ nước ngoài. Trong năm Công ty Vector chính thức đảm nhận khai thác chuyên bay feeder hàng hóa SGN-BKK. Trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.

Năm 2009-2010, Mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty Vector được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air, khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.

Ngày 01/12/2010 chính thức giao dịch cổ phiếu VNF trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Năm 2013-2014, Lần đầu tiên Công ty VNF được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Năm thứ hai liên tiếp Công ty VNF nằm trong danh sách TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất. Công ty con Vector Aviation được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways / Ấn Độ.

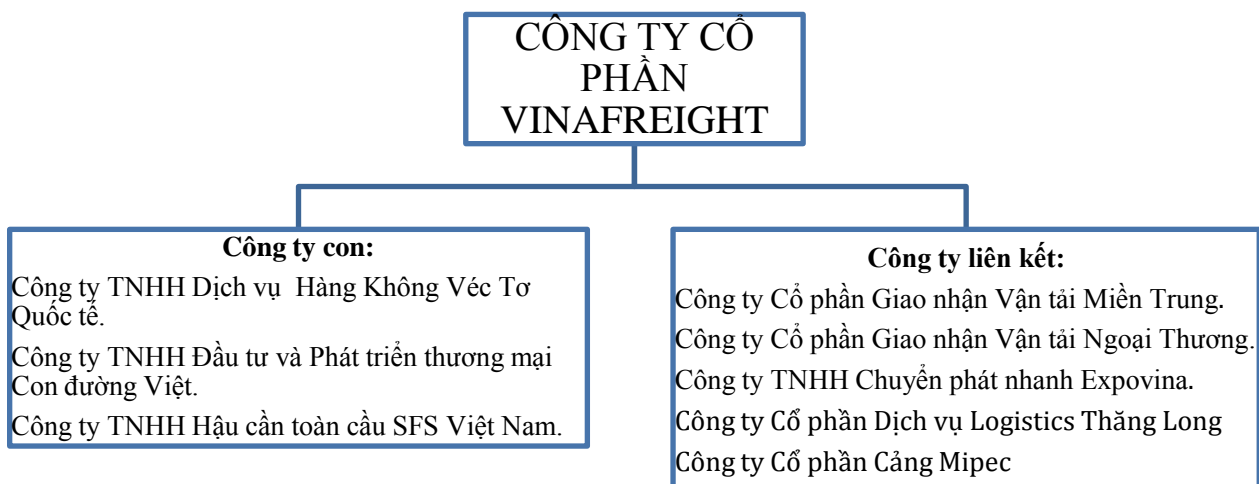
Năm 2015, Công ty cổ phần Vinafreight đã được Bộ GTVT cấp giấy phép KD vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06 tháng 11 năm 2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10 tháng 11 năm 2015, được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc).

Năm 2016, Công ty CP Vinafreight và phòng đại lý hãng tàu Pan Con đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc – Việt Nam – Thái Lan.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Vinafreight được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinafreight và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:



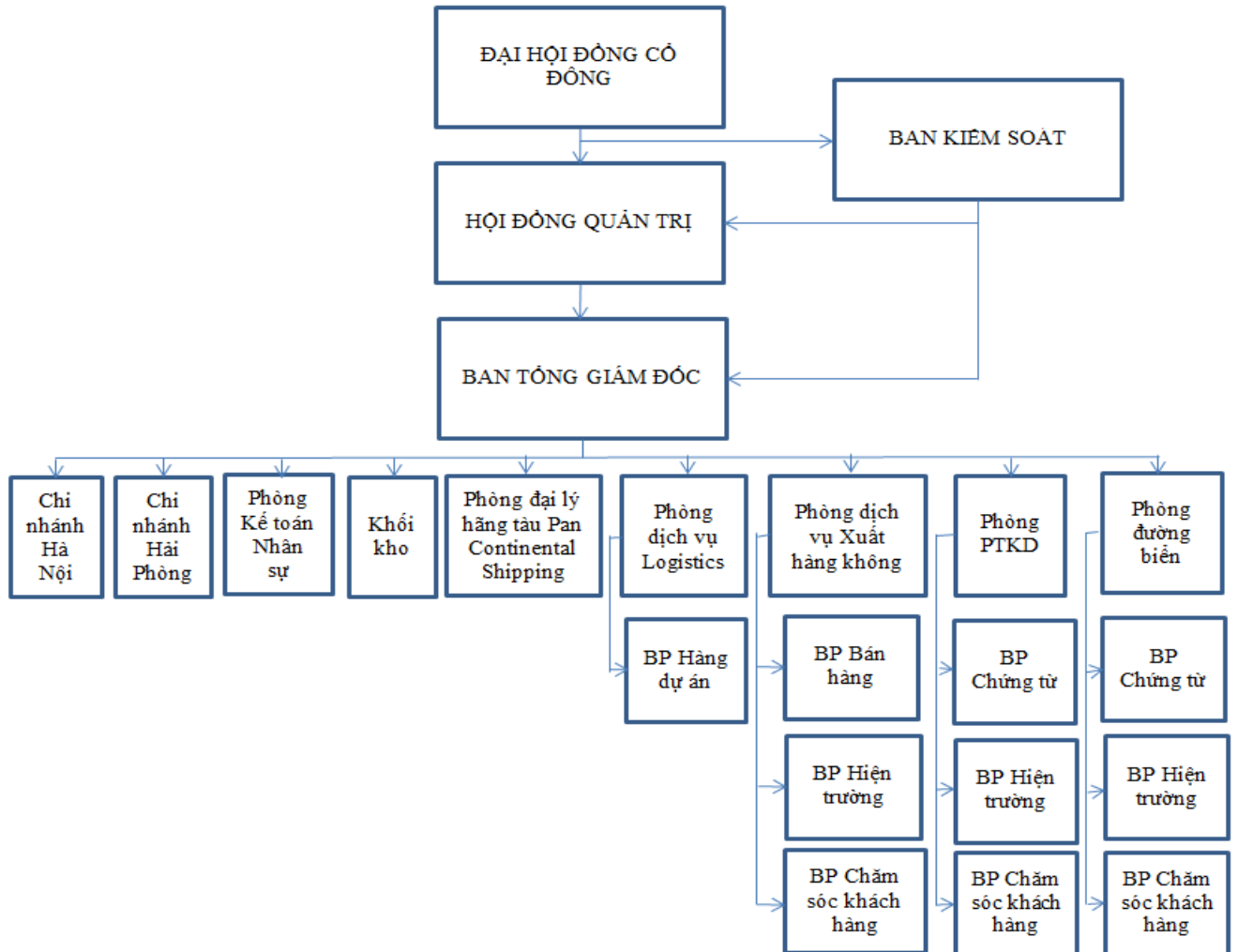
2.1 Công ty con:

- a. **Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Không Véc To Quốc tế.**
 - Địa chỉ: 39B Trường Sơn, P4, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- b. **Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Con đường Việt**
 - Địa chỉ: A8 Trường Sơn, P2, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa, đại lý bán vé máy bay
- c. **Công ty TNHH Hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam.**
 - Địa chỉ: A8 Trường Sơn, P2, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 100%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.

2.2 Công ty liên kết

- a. **Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung.**
 - Địa chỉ: Số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP.Đã Nẵng
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 27,89%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- b. **Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương.**
 - Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 22%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- c. **Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long**
 - Địa chỉ: Thôn Bưởi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 25%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng; Công nghiệp; Dịch vụ Logistics
- d. **Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Expovina.**
 - Địa chỉ: Số 18 Đặng Thị Nhu, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 39%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- e. **Công ty Cổ phần Cảng Mipec**
 - Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 20%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty



Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Vinafreight. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm bảy thành viên; trong đó có sáu thành viên tham gia điều hành và một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý

nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết. Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban tổng giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị cùng với các thông tin của công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v... Ban Kiểm soát bao gồm 3 thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước: số lượng và tỉ lệ nắm giữ)

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên từ 5% trở lên vốn cổ phần và những người có liên quan

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 21.03.2018

| Tên cổ đông | Địa chỉ | Giấy CNĐKDN/ CMND | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|--|--|----------------------|------------|-----------|
| Công ty CP Transimex | Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Q.1, TP.HCM | 0301874259 | 2.881.120 | 51,59% |
| Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam | 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP HCM | 0300648264 | 608.000 | 10,89% |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á | 56-58 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM | 20/UBCK-GP | 286.000 | 5,12% |

4.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 21.03.2018

| Danh mục | Số lượng | Số lượng CP | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------|------------|------------------|---------------|
| Cổ đông trong nước | 194 | 5.391.580 | 96,28% |
| Cá nhân | 178 | 1.390.370 | 24,83% |
| Tổ chức | 15 | 3.985.710 | 71,17% |
| Cổ phiếu quỹ | 1 | 15.500 | 0,28% |
| Cổ đông nước ngoài | 13 | 208.420 | 3,72% |
| Cá nhân | 8 | 14.920 | 0,27% |
| Tổ chức | 5 | 193.500 | 3,45% |
| Tổng | 207 | 5.600.000 | 100% |

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Danh sách công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Transimex

- Địa chỉ: Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Q.1, TP.HCM
- Tỷ lệ sở hữu: 51,59%
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.
 - Dịch vụ Logistics, dịch vụ Cảng ICD, kho ngoại quan, kho CFS, kho lạnh, kho DC (Distribution Center) và kho thường;
 - Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - Dịch vụ thủ tục Hải Quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước;
 - Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển;

5.2. Danh sách công ty con:

a. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc tế.

- Địa chỉ: 39B Trường Sơn, P4, Quận Tân Bình, TP.HCM

- Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- b. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Con đường Việt**
- Địa chỉ: A8 Trường Sơn, P2, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 90%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa, đại lý bán vé máy bay
- c. Công ty TNHH Hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam.**
- Địa chỉ: A8 Trường Sơn, P2, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Tỷ lệ góp vốn của VNF: 100%
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.

5.3. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

6. Quá trình tăng vốn điều lệ:
Kể từ ngày niêm yết, Công ty chưa tiến hành tăng vốn.

7. Hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | %/ DT | Năm 2017 | %/DT | 6T/2018 | %DT |
|--------------------------------------|------------------|------------|------------------|------------|----------------|-------------|
| Doanh thu cước vận tải quốc tế | 1.247.089 | 75,23 | 1.405.094 | 74,49 | 491.792 | 60,76% |
| Doanh thu bán vé máy bay | 228.417 | 13,78 | 292.639 | 15,51 | 230.038 | 28,42% |
| Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa | 156.982 | 9,47 | 158.835 | 8,42 | 73.881 | 9,13% |
| Cung cấp dịch vụ khác | 25.143 | 1,53 | 29.814 | 1,58 | 13.661 | 1,69% |
| Cộng | 1.657.631 | 100 | 1.886.382 | 100 | 809.373 | 100% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.

a) Tình hình đầu tư

Tính đến ngày 30/06/2018, các khoản đầu tư của công ty chỉ bao gồm đầu tư tài chính. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng với giá trị là 35,82 tỷ đồng. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và trái phiếu ngân hàng, đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác.

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

• Chi phí sản xuất

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2016 | | Năm 2017 | | 6T.2018 | |
|------------------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Giá vốn hàng bán | 1.582.324 | 97,2% | 1.806.305 | 97,53% | 780.343 | 97,32% |
| Chi phí tài chính | 6.593 | 0,4% | 4.931 | 0,27% | 3.559 | 0,44% |
| Chi phí bán hàng | 12.434 | 0,76% | 16.531 | 0,89% | 7.948 | 0,99% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26.443 | 1,62% | 24.310 | 1,31% | 9.976 | 1,24% |
| Tổng | 1.627.794 | 100% | 1.852.077 | 100% | 801.826 | 100% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

7.3. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín không chỉ tại thị trường trong nước mà các đối tác nước ngoài cũng đánh giá rất cao sản phẩm và dịch vụ của công ty.

7.4. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Vinafreight:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

8.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

| ST T | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Tăng/Giảm 2017 so với 2016 | QII.2018 |
|----------|-----------------------------|---------------|---------------|----------------------------|---------------|
| 1 | Tổng tài sản | 515.527 | 736.057 | 42,77% | 683.457 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.649.016 | 1.881.124 | 14,08% | 805.264 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 53.683 | 53.104 | -0,01% | 17.298 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 114 | 765 | 571,05% | 1.430 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 53.797 | 53.869 | 0,13% | 18.729 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 44.913 | 44.213 | -1,56% | 16.162 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 24,89% | 25,26% | | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

8.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017

Theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), tốc độ phát triển của ngành logistics tại Việt Nam những năm gần đây đạt khoảng 14-16%, có quy mô khoảng 40-42 tỷ USD/năm. Dựa vào chuỗi giá trị của logistics tại Việt Nam, có thể thấy các hoạt động của chuỗi tập trung vào giao nhận, vận tải nội địa, khai thác cảng biển và cảng hàng không, lưu kho bãi, quản lý hàng hóa và vận tải quốc tế.

Là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ logistics: dịch vụ giao nhận, dịch vụ cho thuê kho bãi, đại lý tàu biển, VNF có tốc độ tăng trưởng doanh thu ổn định và tương đương với tốc độ tăng trưởng doanh thu của ngành

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

VNF là một trong một số ít những doanh nghiệp thành công về dịch vụ giao nhận, hậu cần và đại lý hàng hải. Công ty không những đạt được sự tăng trưởng vững chắc hàng năm mà còn chiếm được sự tín nhiệm của các đối tác và các cơ quan chức năng về độ tin cậy trong kinh doanh và khả năng tài chính vững chắc.

Trong năm 2017, VNF được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2017 (hạng 302/500) và Top 5 doanh nghiệp VNR500 ngành vận tải.

VNF cũng đã nhiều lần Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam vinh danh nằm trong top đầu những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics.

10. Chính sách đối với người lao động

❖ Số lượng người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2017, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 305 người

Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2017

| STT | Cơ cấu lao động | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|------------------|--------------|
| I | Phân loại theo tính chất lao động | | |
| 1 | Lao động gián tiếp | 281 | 92,1 |
| 2 | Lao động trực tiếp | 24 | 7,9 |
| II | Phân loại theo trình độ | | |
| 1 | Trên đại học | 5 | 1,6 |
| 2 | Đại học cao đẳng | 228 | 74,67 |
| 3 | Trung cấp | 12 | 3,94 |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 0 | 0 |
| 5 | Lao động phổ thông | 60 | 19,79 |
| III | Phân loại theo giới tính | | |
| 1 | Lao động Nam | 152 | 49,67 |
| 2 | Lao động Nữ | 153 | 50,33 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vinafreight)

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty Cổ phần Vinafreight luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 giờ/tuần. Số giờ làm một ngày là 8 giờ/ngày.

Bảo hộ lao động: Người lao động được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng qui định và điều kiện môi trường làm việc.

Chế độ khám sức khỏe cho người lao động: Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

▪ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo người lao động:**

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu của công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể để đáp ứng yêu cầu chung là đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, trung thực, sáng tạo.

Công tác đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Với những hình thức đào tạo trên, Công ty đã tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực bản thân, kỹ năng công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của công ty nhằm gia tăng về chất lượng lao động. Hàng năm, công ty duy trì việc đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp; tổ chức cho cán bộ nhân viên quản lý tham gia các khoá học về kiến thức quản lý, chuyên môn.

▪ **Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi**

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả kinh doanh thực hiện, kết hợp với giá trị công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng của nền kinh tế, xã hội như: mặt bằng thị trường từng địa phương, hệ số trượt giá, tăng trưởng về thu nhập bình quân . . . Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc. Thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước.

Có chính sách khen thưởng – kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

❖ **Tình hình thu nhập của công nhân viên**

Tình hình thu nhập của Cán bộ công nhân viên

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|
| Tiền lương bình quân | 7.000.000 | 8.000.000 | 9.000.000 |

| | | | |
|--|-----------|------------|------------|
| (đồng/người/tháng) | | | |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 9.500.000 | 10.500.000 | 13.000.000 |

11. Chính sách cổ tức

❖ Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm như sau

Tình hình chia cổ tức của Công ty Cổ phần Vinafreight các năm 2015, 2016, 2017

Đơn vị tính: đồng

| Năm | 2015 | 2016 | 2017 |
|----------------------|----------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận sau thuế | 42.657.573.042 | 44.913.005.947 | 44.212.893.710 |
| Cổ tức /mệnh giá (%) | 20% | 20% | 20% |
| + Tiền mặt | 20% | 20% | 20% |
| + Đã tạm ứng | 0% | 0% | 10% |

12. Các chỉ tiêu tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Vốn điều lệ của công ty là 56.000.000.000đồng. Số vốn điều lệ được đầu tư vào xây dựng trụ sở chính, nhà xưởng và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất ...

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 15 năm

- Phương tiện vận tải 06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 05 năm

Mức lương bình quân

Với quy chế đảm bảo sự công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, mức lương và thu nhập của năm 2015 là 7 triệu và 9,5 triệu. Năm 2016 là 8 triệu và 10,5 triệu đồng và đến năm 2017 lần lượt là 9 triệu đồng và 13 triệu đồng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Các khoản phải nộp

Đơn vị: nghìn đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|-----|----------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 878.927 | 548.121 | 450.917 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.913.283 | 2.118.979 | 1.241.593 |
| 3 | Thuế thu nhập cá nhân | 901.284 | 940.726 | 584.745 |
| 4 | Tiền thuê đất | - | - | - |
| 5 | Các loại thuế và phí khác | (50.548) | 64.932 | 3.150.583 |
| | Tổng | 6.642.946 | 3.672.758 | 5.427.840 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Tổng dư nợ vay

Đối tác thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay cho công ty, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi của Công ty đã được trích lập dự phòng đầy đủ và đúng theo quy định.

 **Hàng tồn kho**

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh nên Công ty CP Vinafreight không có hàng tồn kho.

 **Tình hình công nợ hiện nay**

Các khoản phải thu

DVT: nghìn đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|-----------|---------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| I | Phải thu ngắn hạn | 285.269.551 | 337.610.088 | 306.923.576 |
| 1 | Phải thu của khách hàng | 183.050.439 | 208.967.089 | 178.724.523 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 2.433.135 | 1.387.870 | 300.750 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 110.908.528 | 140.046.509 | 140.710.057 |
| 4 | Dự phòng phải thu khó đòi | (11.122.551) | (12.791.379) | (12.811.755) |
| II | Phải thu dài hạn | 6.829.665 | 5.958.345 | 8.029.078 |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 6.829.665 | 5.958.345 | 8.029.078 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

Các khoản phải trả

DVT: nghìn đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/06/2018 |
|----------|--------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| I | Phải trả ngắn hạn | 274.327.414 | 470.447.705 | 412.075.776 |
| 1 | Phải trả cho người bán | 135.982.755 | 221.444.181 | 172.921.924 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 851.368 | 1.003.115 | 1.046.410 |

| | | | | |
|-----------|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6.693.494 | 3.672.757 | 5.427.840 |
| 4 | Phải trả người lao động | 7.714.433 | 12.664.284 | 4.864.291 |
| 5 | Chi phí phải trả | 5.496.963 | 5.987.849 | 7.840.157 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | 175.023 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 34.763.118 | 139.443.920 | 139.987.215 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính | 74.999.168 | 76.127.899 | 65.658.405 |
| 9 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 7.826.114 | 10.103.699 | 14.154.508 |
| II | Phải trả dài hạn | 5.342.740 | 5.326.830 | 5.243.109 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 5.342.740 | 5.326.830 | 5.243.109 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính | - | - | - |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Vinafreight

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2016 | Năm 2017 | QII.2018 |
|-----|--|-----|----------|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| | - Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,52 | 1,07 | 1,05 |
| | - Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 1,52 | 1,07 | 1,05 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| | - Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,55 | 0,65 | 0,61 |
| | - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,18 | 1,83 | 1,57 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| | - Vòng quay hàng tồn kho | Lần | - | - | - |

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2016 | Năm 2017 | QII.2018 |
|-----|--|------|----------|----------|----------|
| | - Doanh thu thuần/tổng tài sản | Lần | 3,21 | 2,56 | 1,18 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | | |
| | - Hệ số LN sau thuế/DT thuần | % | 2,72% | 2,35% | 2% |
| | - Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 20,27% | 17,82% | 6,14% |
| | - Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 9,15% | 7,07% | 1,14% |
| | - Hệ số LN gộp /DT thuần | % | 4,02% | 3,97% | 3,09% |
| | -EPS | Đồng | 6.593 | 6.269 | 2.429 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, Quý II.2018)

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách

Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần năm giữ | Tuổi | CMND |
|-----|------------------|-------------|-----------------------|------|-----------|
| 1 | Nguyễn Bích Lân | Chủ tịch | 80.250 | 58 | 021879061 |
| 2 | Bùi Tuấn Ngọc | P. Chủ tịch | - | 53 | 022762898 |
| 3 | Chu Việt Cường | Thành viên | - | 57 | 011660837 |
| 4 | Lê Duy Hiệp | Thành viên | - | 55 | 020521552 |
| 5 | Trương Minh Long | Thành viên | - | 49 | 022248613 |
| 6 | Nguyễn Huy Diệu | Thành viên | 350 | 58 | 022129650 |
| 7 | Tôn Thất Hưng | Thành viên | - | 53 | 022498878 |


Danh sách Ban Tổng Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần năm giữ | Tuổi | CMND |
|-----|-----------------|---------------|-----------------------|------|-----------|
| 1 | Nguyễn Bích Lân | Tổng Giám đốc | 80.250 | 58 | 021879061 |

| | | | | | |
|---|-----------------|------------------|-----|----|-----------|
| 2 | Nguyễn Huy Diệu | P. Tổng Giám đốc | 350 | 58 | 022129650 |
|---|-----------------|------------------|-----|----|-----------|

 **Danh sách Ban Kiểm soát**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tuổi | CMND |
|-----|---------------------|------------|-----------------------|------|--------------|
| 1 | Lê Văn Hùng | Trưởng ban | - | 43 | 024788459 |
| 2 | Phan Phương Tuyền | Thành viên | 820 | 50 | 079168007466 |
| 3 | Nguyễn Hồng Kim Chi | Thành viên | - | 45 | 022768993 |

 **Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tuổi | CMND |
|-----|-----------------|----------------|-----------------------|------|--------------|
| 1 | Lê Thị Ngọc Anh | Kế toán trưởng | 3.890 | 44 | 048174000032 |

13.2. Sơ yếu lý lịch

 **Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Bích Lân

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/04/1960
- Nơi sinh: Phnom Penh, Campuchia
- CMND: 021879061, ngày cấp 14/07/2014 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 285/T8/B2 Cách mạng tháng 8, P.12, Q.10, TP.HCM
- Số điện thoại: 3848 8358
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - +1988 – 2001: Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam(Vinatrans).
 - +2001 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (Vinafreight).

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|-------------------------------|-----------------|
| 1 | Công ty CP Vận tải miền Trung | Thành viên HĐQT |
| 2 | Công ty TNHH Kintetsu Vietnam | Thành viên HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 80.250 cổ phần, chiếm 1,43% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|-------------------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Nhữ | Cha | 0 |
| 2 | Lê Thị Ngọc Thư | Vợ | 0 |
| 3 | Nguyễn Lê Bích Khuê | Con | 0 |
| 4 | Nguyễn Lê Bích Khôi | Con | 0 |
| 5 | Nguyễn Bích Quang | Anh ruột | 0 |
| 6 | Nguyễn Bích Huy | Anh ruột | 0 |
| 7 | Nguyễn Bích Văn | Em ruột | 0 |
| 8 | Công ty CP Vận tải miền Trung | Thành viên HĐQT | 0 |
| 9 | Công ty TNHH Kintetsu Vietnam | Thành viên HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2. Ông Bùi Tuấn Ngọc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/02/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 022762898, ngày cấp 12/07/2014 tại TP.HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Số 6 Đặng Tất, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại: 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương; Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + 1988 – 1992: Công tác tại Công ty Seaprodex.
 - + 1992 – 1993: Công tác tại Liên hiệp DVLHSXTM TPHCM.
 - + 1993 – 1994: Công tác tại TT TM LD Việt-Xô TPHCM
 - + 1994 – nay: Giám đốc Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải.
 - + 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex.
 - + 2007 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Vina
 - + 2009 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Toàn Việt.
 - + 2011 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
 - + 2012 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vinafreight.
 - + 2016 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cholimex.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1 | Công ty TNHH TM-XD-SX Thiên Hải | Giám đốc |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Vina | Chủ tịch HĐQT |
| 3 | Công ty CP Transimex | Chủ tịch HĐQT |
| 4 | Công ty CP Đầu tư Toàn Việt | Chủ tịch HĐQT |
| 5 | Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 6 | Công ty CP Cholimex | Phó Chủ tịch HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 2.881.120 cổ phần, chiếm 51,59% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|---|-------------------|--------------|
| 1 | Phùng Thị Quỳnh Yến | Mẹ | 0 |
| 2 | Nguyễn Thanh Huyền | Vợ | 0 |
| 3 | Bùi Minh Tuấn | Em | 0 |
| 4 | Bùi Trần Yến Châu | Con | 0 |
| 5 | Bùi Ngọc Thạch | Con | 0 |
| 6 | Công ty CP Transimex | Chủ tịch HĐQT | 2.881.120 |
| 7 | Công ty CP Đầu tư Vina | Chủ tịch HĐQT | 0 |
| 8 | Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải | Giám đốc | 0 |
| 9 | Công ty CP Đầu tư Toàn Việt | Chủ tịch HĐQT | 0 |
| 10 | Công ty CP Cholimex | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3. Ông Chu Việt Cường

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/11/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011660837, ngày cấp 29/03/2005 tại Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Nhà 48 ngõ 133 phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 0913015350
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 1992 – 1994: Research Fellow Viện chiến lược Đông Nam Á.
 - + 1994 – 1995: Trợ lý TGD Tập đoàn Marubeni Nhật Bản.

- + 1996 – 1999: Phó TGD Trung tâm Phát triển Kinh tế Xã hội Việt Nam.
- + 2000 – 2006: Giám đốc khối Ebanking & Retail Banking Ngân hàng ANZ.
- + 2006 – 2008: Tổng Giám đốc BNP Paribas-Prevoir JV.
- + 2008 – 2009: Phó TGD Prudential Assurance Ltd.
- + 2009 – nay: Thành viên HĐQT/Phó TGD Công ty CP Sovico.
- + 2011 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Hàng không Vietjet.
- + 06/2013 – 09/2013: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đại Á
- + 2012 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight.
- + 2013 – nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng HDBank.
- + 2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight.

- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|-----|-------------------------------|-------------------------|
| 1 | Công ty CP Sovico | Thành viên HĐQT/Phó TGD |
| 2 | Công ty CP Hàng không Vietjet | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ngân hàng HDBank | Thành viên HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|--------------|
| 1 | Chu Thanh Tịnh | Con | 0 |
| 2 | Công ty CP Sovico | Thành viên HĐQT/ Phó TGD | 0 |
| 3 | Công ty CP Hàng không Vietjet | Thành viên HĐQT | 0 |
| 4 | Ngân hàng HDBank | Thành viên HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

4. Ông Lê Duy Hiệp

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/12/1963
- Nơi sinh: Tây Ninh
- CMND: 020521552, ngày cấp 24/12/2004 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 40/6 Huỳnh Đình Hai, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại: 22202888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + 1990 – 1998: Công tác tại Công ty Cung ứng Tàu biển TP.HCM.
 - + 1998 – 2004: Công tác tại Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải.
 - + 2004 – 2009: Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải.
 - + 2004 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Transvina.
 - + 2009 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Transimex.
 - + 2011 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An.
 - + 2012 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight.
 - + 2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cholimex.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|-------------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Công ty Transvina | Thành viên HĐQT |
| 2 | CP Dịch vụ Hàng Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 3 | Công ty CP Transimex | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc |
| 4 | Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An | Thành viên HĐQT |
| 5 | Công ty CP Cholimex | Thành viên HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 2.881.120 cổ phần, chiếm 51,59% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|--|-------------------------------------|--------------|
| 1 | Đỗ Duy Liên | Mẹ | |
| 2 | Đỗ Thị Việt Hoa | Vợ | 0 |
| 3 | Lê Thái Hỷ | Anh | 0 |
| 4 | Lê Thị Liên Hoan | Chị | 0 |
| 5 | Công ty CP Transimex | Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc | 2.881.120 |
| 6 | Công ty CP Cholimex | Thành viên HĐQT | 0 |
| 7 | Công ty TNHH Nippon Express VN | Thành viên HĐQT | 0 |
| 8 | Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải (Mac Shipping) | Chủ tịch HĐQT | 0 |
| 9 | Công ty CP Transvina | Thành viên HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

5. Ông Trương Minh Long

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/08/1969
- Nơi sinh: Hội An, Quảng Nam
- CMND: 0022248613, ngày cấp 02/06/2006 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 407/10 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3, TP.HCM
- Số điện thoại: 0903701763
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ 1993 – nay: Công tác tại Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans).

+ 2017 – nay: Phó TGD Công ty CP Transimex

+ 2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight

- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|--|-----------------------------------|
| 1 | Công ty Vinatrans | Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc |
| 2 | Công ty Vinalink | Thành viên HĐQT |
| 3 | Công ty Vinatrans Danang | Thành viên HĐQT |
| 4 | Công ty Vietways | Thành viên HĐQT |
| 5 | Công ty Liên doanh Sojitz Logistics Vietnam | Thành viên HĐQT |
| 6 | Công ty Liên doanh Lotte Vinatrans Logistics | Thành viên HĐQT |
| 7 | Công ty Liên doanh Konoike Vina | Thành viên HĐQT |
| 8 | Công ty TNHH Nissin Logistics Vietnam | Thành viên HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 608.000 cổ phần, chiếm 10,86% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|----------------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Trần Thị Hồng | Vợ | 0 |
| 2 | Trương Minh Tuấn | Con | 0 |
| 3 | Trương Minh Nam | Con | 0 |
| 4 | Trương Thị Kính | Chị | 0 |

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|--|--------------------|---------------------|
| 5 | Trương Minh Đức | Anh | 0 |
| 6 | Trương Minh Rân | Anh | 0 |
| 7 | Trương Minh Nhân | Anh | 0 |
| 8 | Trương Minh Nghĩa | Anh | 0 |
| 9 | Trương Thị Minh Lý | Chị | 0 |
| 10 | Trương Minh Lân | Anh | 0 |
| 11 | Công ty Vinatrans | Thành viên HĐQT | 608.000 |
| 12 | Công ty Vinalink | Thành viên HĐQT | 0 |
| 13 | Công ty Vinatrans Danang | Thành viên HĐQT | 33.000 |
| 14 | Công ty Vietways | Thành viên HĐQT | 0 |
| 15 | Công ty Liên doanh Sojitz Logistics Vietnam | Thành viên HĐQT | 0 |
| 16 | Công ty Liên doanh Lotte Vinatrans Logistics | Thành viên HĐQT | 0 |
| 17 | Công ty Liên doanh Konoike Vina | Thành viên HĐQT | 0 |
| 18 | Công ty TNHH Nissin Logistics Vietnam | Thành viên HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

6. Ông Nguyễn Huy Diệu

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1960
- Nơi sinh: Huế
- CMND: 022129650, ngày cấp 31/05/2007 tại TP.HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Số 195/13 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại: 0913711562
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - +1987 – 2002: Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans.
 - +2002 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|---------------------------------|-------------------|
| 1 | Công ty Liên doanh Konoike Vina | Thành viên HĐQT |
| 2 | Công ty CP Vận tải Transimex | Phó Chủ tịch HĐQT |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu 350 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|----------------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Huy Hoàng | Cha | 0 |
| 2 | Vũ Thị Sang | Mẹ | 0 |
| 3 | Nguyễn Thị Thự | Chị | 0 |
| 4 | Nguyễn Thị Thương | Chị | 0 |
| 5 | Nguyễn Thị Trọng | Em | 0 |
| 6 | Nguyễn Huy Minh | Em | 0 |
| 7 | Nguyễn Huy Thanh | Em | 0 |

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|---------------------------------|--------------------|---------------------|
| 8 | Nguyễn Thị Thu Cúc | Em | 0 |
| 9 | Nguyễn Thị Thanh Nguyên | Vợ | 0 |
| 10 | Nguyễn Huy Đăng Khoa | Con | 0 |
| 11 | Nguyễn Mai Khanh | Con | 0 |
| 12 | Công ty Liên doanh Konoike Vina | Thành viên HĐQT | 0 |
| 13 | Công ty CP Vận tải Transimex | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

7. Ông Tôn Thất Hưng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/12/1965
- Nơi sinh: Huế
- CMND: 046065000121 ngày cấp 24/03/2017 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 47/42/27/11 Bùi Đình Túy, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại: 2220 2888
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 1986 – 1993: Công tác tại Công ty Sửa chữa tàu biển và giàn khoan.
 - + 1993 – 1995: Công tác tại Công ty TNHH Lâm Sơn.
 - + 1995 – 2003: Công tác tại VPĐD Danzas.
 - + 2003 – 2007: Công tác tại VPĐD DHL Global Forwarding.
 - + 2007 – 2011: Trưởng phòng Logistics DHL Việt Nam
 - + 2011 – nay: Phó TGĐ Công ty CP Transimex
 - + 2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|-----|----------------------|---------|
| | Công ty CP Transimex | Phó TGD |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 2.881.120 cổ phần, chiếm 51,59% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|----------------------|-------------|--------------|
| 1 | Tôn Thất Hy Hiền | Cha | 0 |
| 2 | Trần Thanh Vân | Mẹ | 0 |
| 3 | Tôn Nữ Thanh Hương | Em | 0 |
| 4 | Tôn Thất Huân | Em | 0 |
| 5 | Tôn Nữ Quỳnh Chi | Em | 0 |
| 6 | Đỗ Thị Thanh Thanh | Vợ | 0 |
| 7 | Tôn Thất Minh Huy | Con | 0 |
| 8 | Công ty CP Transimex | Phó TGD | 2.881.120 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Bích Lâm: đã trình bày ở mục trên
2. Ông Nguyễn Huy Diệu: đã trình bày ở mục trên

Ban kiểm soát

1. Ông Lê Văn Hùng
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 02/06/1975
 - Nơi sinh: Quảng Nam

- CMND: 024788459 ngày cấp 07/05/2008 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 192 Bình Lợi, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại: 0918342739
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 2009 – nay: Công tác tại Công ty CP Transimex, chức vụ: Kế toán trưởng.
 - + 2016 – nay: Thành viên BKS Công ty CP XNK&ĐT Chợ Lớn
 - + 2017 – nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vinafreight
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|---------------------------|----------------|
| 1 | Công ty CP Transimex | Kế toán trưởng |
| 2 | Công ty CP XNK&ĐT Chợ Lớn | Thành viên BKS |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 2.881.120 cổ phần, chiếm 51,59% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2. Bà Phan Phương Tuyền

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/04/1968
- Nơi sinh: Sài Gòn
- CMND: 079168007466 ngày 19/03/2018 tại Cục Cảnh sát TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 220/88A Hoàng Hoa Thám, P.5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại: 0903669755
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 1992 – 1996: Công tác tại Công ty Điện tử tin học Seatic.

+ 1996 – 1996: Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP .HCM – Vinatrans.

+ 1997 – nay: Công tác tại Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina), chức vụ: kế toán trưởng.

++ 2012-nay: Thành viên BKS Công ty CP Vinafreight

- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|------------|----------------------|----------------|
| 1 | Công ty CP Vinalink | Thành viên BKS |
| 2 | Công ty Konoike Vina | Kế toán trưởng |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu 820 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|------------|----------------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Trang Hoàng Trung | Chồng | 0 |
| 2 | Trang Hoàng Long | Con | 0 |
| 3 | Trang Hoàng Phúc | Con | 0 |
| 4 | Phan Ngọc Vân | Chị | 0 |
| 5 | Phan Ngọc Điệp | Anh | 0 |
| 6 | Phan Thị Ngọc Phượng | Chị | 0 |
| 7 | Phan Phi Phong | Anh | 0 |
| 8 | Phan Hùng Phương | Anh | 0 |
| 9 | Công ty Konoike Vina | Kế toán trưởng | 0 |
| 10 | Công ty CP Vinalink | Thành viên BKS | 0 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3. Bà Nguyễn Hồng Kim Chi

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 31/10/1973
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND: 022768993 ngày cấp 11/11/2011 tại TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 137/29/9 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại: 0903774787
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - + 1996 – nay: Phó phòng Kế toán Công ty CP Transimex
 - + 2016 – nay: Thành viên BKS Công ty CP Vinafreight
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|-----|----------------------|-------------------|
| | Công ty CP Transimex | Phó phòng kế toán |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 2.881.120 cổ phần, chiếm 51,59% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|-----------------------|-------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Hồng Đức | Cha | 0 |
| 2 | Đại Hào | Mẹ | 0 |
| 3 | Vũ Huy Thạnh | Chồng | 0 |
| 4 | Nguyễn Hồng Ngọc Diệp | En | 0 |
| 5 | Nguyễn Đại Hồng Phúc | Em | 0 |

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|-----------------------|-------------------|--------------|
| 6 | Nguyễn Đại Hồng Nhung | Em | 0 |
| 7 | Nguyễn Đại Hồng Quế | Em | 0 |
| 8 | Vũ Gia Trúc | Con | |
| 8 | Công ty CP Transimex | Phó phòng Kế toán | 2.881.120 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có



Kế toán trưởng

8. Bà Lê Thị Ngọc Anh

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/12/1974
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- CMND: 048174000032 ngày cấp 28/06/2017 tại Cục Cảnh sát
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 341/87 A1 Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP.HCM
- Số điện thoại: 028-38446409
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - + 1997 – 1998: Công tác tại Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng mới
 - + 1998 – 2001: Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan.
 - + 2001 – 2002: Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP .HCM (Vinatrans)
 - + 2002 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (Vinafreight).
 - + 2017 – nay: Trưởng BKS Công ty CP Transimex
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

| STT | Công ty | Chức vụ |
|-----|----------------------|------------|
| | Công ty CP Transimex | Trưởng BKS |

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu đại diện tổ chức: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu 3.890 cổ phần, chiếm 0.07% vốn điều lệ

- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Những người có liên quan

| STT | Tên cá nhân/tổ chức | Mối quan hệ | Số CP sở hữu |
|-----|----------------------|-------------|--------------|
| 1 | Lê Văn Mươi | Cha | 0 |
| 2 | Phạm Thị Liễu | Mẹ | 0 |
| 3 | Thái Ngọc Trí | Chồng | 0 |
| 4 | Thái Ngọc Anh Phương | Con | 0 |
| 5 | Thái Ngọc Anh Vũ | Con | 0 |
| 6 | Lê Văn Nhi | Anh | 0 |
| 7 | Lê Thị Ngọc Ánh | Em | 0 |
| 8 | Lê Thị Bạch Tuyết | Em | 0 |
| 9 | Lê Văn Lộc | Em | 0 |
| 10 | Công ty CP Transimex | Trưởng BKS | 2.881.120 |

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

14. Tài sản

Danh mục một số TSCĐ chính của Công ty

DVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 30/06/2018 | |
|----------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| I | Tài sản hữu hình | 14.037.111.944 | 3.557.531.950 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.632.973.150 | - |
| 2 | Phương tiện vận tải | 8.786.813.623 | 3.211.956.637 |

| | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------------|----------------------|
| 3 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 2.617.325.171 | 345.575.313 |
| II | Tài sản vô hình | 2.639.072.679 | 662.941.331 |
| 1 | Phần mềm kế toán | 2.639.072.679 | 662.941.331 |
| | Tổng cộng | 16.676.184.623 | 4.220.473.281 |

(BCTC QII.2018)

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức 2018

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | KH 2018 | KH 2018/ TH 2017 |
|----------|------------------------------------|----------|---------|---------------------|
| 1 | Tổng Doanh thu (tỷ đồng) | 1.886 | 1.950 | 103,39% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 44,21 | 44,46 | 100,56% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 2,35 | 2,28 | 97,02% |
| 4 | LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 17,82 | 15,75% | 88,4% |
| 5 | Cổ tức | 20% | 15% | 75% |

15.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động của đại lý Hãng Tàu Pan Continental Shipping
- Duy trì ổn định các hoạt động dịch vụ cước hàng không và đường biển của các phòng nghiệp vụ.
- Tập trung nỗ lực nâng cao sản lượng hàng hóa giao nhận hàng không vốn là thế mạnh của công ty trong những năm trước đây.
- Chú trọng củng cố hoạt động logistics nội địa, phát triển dịch vụ phân phối hàng hóa cho khách hàng, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ. Trong tình hình bán cước đường biển và hàng vẫn đang gặp nhiều thách thức, hoạt động logistics hứa hẹn sẽ là một nhân tố đóng góp tích cực vào lợi nhuận kinh doanh.
- Giữ vững mối quan hệ tốt với các khách hàng và đại lý lớn với nguồn hàng ổn định.
- Tiết kiệm và quản lý chặt chi phí kinh doanh.
- Có chính sách tín dụng hợp lý với các khách hàng lớn và khách hàng toàn cầu nhằm mục đích vừa giữ khách vừa bảo đảm thu đủ thu đúng công nợ.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh Hà Nội và Hải Phòng , của đại lý hãng tàu Pan Continental Shipping.
- Hoàn thành việc ký hợp đồng thuê đất cho các khu vực kho ở quận 7
- Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của công ty con SFS trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa và thiết bị y tế và dược phẩm – dược liệu, tăng cường tham gia các hội chợ chuyên ngành về thiết bị y tế và chế phẩm y sinh học để giới thiệu dịch vụ.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho các công ty con Vector , Vietway duy trì và tăng trưởng sản lượng.
- Tham gia các hội nghị, hội chợ về Air Cargo và hành khách quốc tế.
- Tiếp cận những Airlines tốt để tiếp cận làm GSA.
- Thắt chặt thêm quan hệ với CAAV (Cục HKDD Việt Nam) và các cơ quan hữu quan tại các cảng hàng không.

15.2. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

- Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới , đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng , Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới
- Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu từ Campuchia và Lào qua cảnh Việt Nam đi các nước bằng đường biển, hàng không và ngược lại.
- Xây dựng thương hiệu Vinafreight ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh cả trong và ngoài nước.
- Trong định hướng phát triển chung , Vinafreight hướng đến mục tiêu phát triển bền vững . Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của VINAFREIGHT luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội . Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

- Bên cạnh đó, Vinafreight coi trọng nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước và nguồn tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch.

15.3 Các biện pháp để thực hiện kế hoạch năm 2018

- Chú trọng phát triển mạnh hoạt động logistics nội địa, dịch vụ phân phối hàng hoá, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ. Tập trung vào khu công nghệ cao tại TP.HCM, các khu công nghiệp khác tại thành phố và các tỉnh để tập bước đột phá trong việc cung cấp dịch vụ trọn gói với các giá trị gia tăng để thu hút các khách hàng.
- Hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược Transimex Saigon về các dịch vụ vận chuyển nội địa, chuỗi cung ứng... nhằm tạo thêm nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng sử dụng dịch vụ.
- Đối với các Công ty con, tiếp tục quản trị tốt nhân sự và dịch vụ, sử dụng tối đa các dịch vụ nội bộ, phấn đấu tăng mạnh sản lượng hàng hóa trong năm 2017. Củng cố dịch vụ tổng đại lý của các hãng hàng không hiện có và tiếp tục phát triển thêm các tổng đại lý mới khi có cơ hội.
- Tiếp tục ổn định các hoạt động dịch vụ, nâng cao sản lượng hàng hóa dịch vụ giao nhận hàng không và đường biển.
- Giữ mối quan hệ tốt với các khách hàng lớn và đại lý lớn có nguồn hàng ổn định thông qua các hợp đồng dài hạn, kết hợp đẩy mạnh tìm kiếm thị trường và cơ hội hợp tác với các đại lý quốc tế lớn. Áp dụng chính sách khuyến khích bán mới cho khách hàng nhằm nâng cao lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường. Lập kế hoạch tham gia các hiệp hội và các cuộc triển lãm để quảng bá dịch vụ của Công ty đến nguồn khách hàng mới.
- Tiết kiệm chi phí văn phòng, quản lý chặt chi phí làm hàng, chi phí hoa hồng, tiếp khách.
- Giảm thiểu các rủi ro kinh doanh và tình trạng nợ xấu khó đòi, đảm bảo thu đúng, thu đủ.
- Kiện toàn bộ máy nhân sự các phòng nghiệp vụ và các chi nhánh, đào tạo và nâng cao chuyên môn cho nhân viên mới, phát triển bộ phận bán hàng, có kế hoạch hỗ trợ nhân sự giữa các bộ phận khi cần thiết để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinafreight cùng với việc phân tích tình hình nền kinh tế Việt Nam hiện tại, phân tích các ngành hoạt động của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm qua, năng lực của Công ty Cổ phần Vinafreight, dự báo tình hình kinh tế và ngành trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Vinafreight dự kiến cho giai đoạn 2017 - 2018 là có thể đạt được nếu Công ty không chịu ảnh hưởng của những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, Công ty sẽ niêm yết bổ sung số cổ phiếu của đợt phát hành theo đúng quy định.

18. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phần dự kiến chào bán là 2.792.250 cổ phiếu.

4. Giá chào bán dự kiến

20.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu của VNF sẽ được điều chỉnh kỹ thuật, công thức tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

PTC : giá tham chiếu của VNF trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu

I : tỷ lệ vốn tăng (%)

PR_{t-1} : giá cổ phiếu của VNF trước ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu

PR : là giá cổ phiếu phát hành mới

Công ty thực hiện phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua tổng số lượng 5.584.500 cổ phiếu. Phần vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với tỷ lệ 50% vốn điều lệ trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Cụ thể, giả định giá tham chiếu của cổ phiếu VNF vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 50.900 VNĐ/cổ phiếu. Giá điều chỉnh kỹ thuật vào ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$PTC = \frac{50.900 + (50\% \times 20.000)}{1 + 50\%} = 40.600$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành được điều chỉnh và làm tròn là 40.600 đồng/cổ phiếu, giảm 10.300 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu thị trường VNF trước ngày phát hành.

Giá chào bán thấp hơn 57,91% giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 và thấp hơn 62,86% giá thị trường nhằm gia tăng lợi ích cho cổ đông hiện hữu, khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty và đảm bảo đợt chào bán thành công.

6. Phương thức phân phối:

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: phân phối thông qua các thành viên lưu ký.

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán : phân phối tại Văn phòng công ty: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua thêm cổ phần và các thủ tục có liên quan sẽ được Công ty thông báo tới các cổ đông sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Dự kiến trong Quý III/2018, sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều 21 của Luật chứng khoán, Công ty sẽ hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: thực hiện tại các thành viên lưu ký nơi cổ đông lưu ký chứng khoán.

Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: cổ đông đăng ký mua cổ phiếu tại Văn phòng công ty: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ đông thực hiện nộp tiền mua cổ phần tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) và chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty (đối với cổ đông chưa lưu ký).

9. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền: Cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền.

Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (tại Ngày Đăng Ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền và cứ 02 quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu được quyền mua nhỏ hơn 1 đơn vị sẽ không được thực hiện.

Ví dụ: Tại Ngày Đăng Ký đăng ký cuối cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 09 cổ phiếu VNF. Số lượng quyền mua cổ đông Nguyễn Văn A được hưởng là 04 quyền tương ứng số lượng cổ phiếu được mua tính theo công thức là: $9 \times 1/2 = 4,5$.

Số lượng cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A được mua là 4 cổ phiếu và 0,5 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vinafreight không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Theo quy định về ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài là 49%..

Đến thời điểm hiện nay, có 13 nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 208.420 cổ phiếu, chiếm 3,72% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền mua cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vẫn dưới mức 49%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền: không hạn chế chuyển nhượng.

Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có): Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cộng dồn và phân phối tiếp với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 20.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 20%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường: Công ty nộp thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường hàng tháng theo quy định của Nhà nước.

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty, chi tiết như sau:

Tài khoản phong tỏa :

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Vinafreight

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Hồ Chí Minh (VCB HCM)

Số tài khoản: 007.100.121.2059

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 55.845.000.000 đồng, dự kiến được sử dụng như sau:

| STT | Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến | Số tiền (VND) |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Thanh toán tiền mua cổ phần Công ty cổ phần cảng Mipec | 47.000.000.000 |
| 2 | Bổ sung vốn lưu động | 8.845.000.000 |
| | Tổng cộng | 55.845.000.000 |

+ **Đối với việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec:** Việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của Vinafreight: mở rộng lĩnh vực kinh doanh về chuỗi cung ứng hậu cần khép kín cho các khách hàng đa quốc gia; gia tăng thương hiệu trong nước và quốc tế. Công ty cổ phần Mipec đang triển khai đầu tư xây dựng Cảng tiếp nhận tàu 30.000 DWT đến 40.000 DWT tại bán đảo Đình Vũ, Hải Phòng, với tổng chiều dài bến 380m, cùng với hệ thống kho bãi, hệ thống phòng chống cháy nổ và các công trình phụ trợ đồng bộ. Dự án có tổng mức đầu tư gần 1800 tỷ đồng với sự tham gia của nhiều tổ chức lớn và doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Logistics như SCIC, Công ty Vinatrans, ... Dự án đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.

Vinafreight đã mua 10.000.000 cổ phần Công ty này với giá nhận chuyển nhượng là 157,76 tỷ đồng. Tính đến cuối Quý II.2018, Vinafreight đã thanh toán 110,76 tỷ đồng và còn thiếu 47 tỷ đồng.

+ **Đối với việc bổ sung vốn lưu động:** Hiện nay Vinafreight đang là đại lý giao nhận cho các hãng hàng không, hãng tàu lớn như Jet Airways (Ấn Độ), Pan Continental Shipping (Hàn Quốc). Đặc thù của công ty kinh doanh trong lĩnh vực logistic là thường xuyên phải chi trả trước cho các đơn vị hàng không và tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Đây là một bất lợi rất lớn cho công ty vì vốn công ty bị chiếm dụng và cũng tồn tại rủi ro rất lớn khi khách hàng không có khả năng thanh toán kịp thời. Do đó việc bổ sung vốn lưu động là hết sức cần thiết, nhằm hạn chế rủi ro hoạt động kinh doanh cho công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Sau khi kết thúc đợt chào bán, công ty sẽ sử dụng số tiền thu được đúng mục đích đã đề cập bên trên. Trong trường hợp thời gian phát hành kéo dài hoặc số tiền thu được thấp hơn dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng.

IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ : 02 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3 5472972 Fax: 028 3 5472970

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3726 2600 Fax: 024.3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán :

Công ty Cổ phần Vinafreight là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vận tải giao nhận. Quy mô về vốn của doanh nghiệp tuy nhỏ so với các doanh nghiệp niêm yết khác nhưng đây là một doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực vận tải giao nhận và đã tạo được tiếng vang lớn với sự tham gia của hỗ trợ của nhiều đối tác hàng đầu trong ngành như Transimex, Vinatrans. Việc phát hành cổ phiếu ra công chúng lần này để tăng vốn đầu tư là cần thiết để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổ chức tư vấn tin rằng với uy tín cũng như thương hiệu lâu năm của mình, đợt chào bán sẽ diễn ra thành công tốt đẹp.

TPHCM, ngày 24 tháng 08 năm 2018
ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGUYỄN BÍCH LÂN



KÊ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ NGỌC ANH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THÀNH NAM

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính 2016, 2017, Quý II.2018
4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
5. **Phụ lục V:** Các tài liệu khác..